| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CỦ CHI**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 279/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-3-2023.
V/v Tranh chấp Ly hôn

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Ngọc

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa:*** Không có.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1530/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về " Tranh chấp Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2023 giữa:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1971. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 570, Tổ 1, Khu phố C, thị trấn P , huyện G, tỉnh B .

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1974. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1332 Tỉnh lộ 8, tổ 5, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2022 và các lời khai, nguyên đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:**

Ông cùng bà Nguyễn Thị H là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện G, tỉnh B , theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 105, quyển số: I/2000 ngày 29/8/2000. Thời gian đầu cuộc sống gia

đình hạnh phúc nhưng về sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân chính là do hai vợ chồng thường hay bất đồng về cách sống. Ông T đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Hiện nay cả hai không còn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau nữa nên không thể tiếp tục chung sống. Do đó, Ông T xin được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Đan Thùy D, sinh ngày 05/10/2000 và Nguyễn Đan Kỳ D, sinh ngày 17/9/2002. Cả hai con chung đều đã trưởng thành.

Về Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Ông T tự nguyện chịu toàn bộ.

*** Theo đơn bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Bà và Ông T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P , huyện G, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 105, quyển số: I/2000 ngày 29/8/2000. Nay vợ chồng không còn tình cảm nên bà đồng ý ly hôn với Ông T.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Đan Thùy D, sinh ngày 05/10/2000 và Nguyễn Đan Kỳ D, sinh ngày 17/9/2002. Cả hai con chung đều đã trưởng thành.

Về Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H là "Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình". Bị đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị H hiện cư trú tại huyện Củ Chi, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình T và bị đơn Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi hoà giải xét xử của Toà các cấp nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn Ông T và bị đơn bà H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Ông T và bà H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét về quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn P , huyện G, tỉnh B theo giấy chứng

nhận kết hôn số: 105, Quyển số: I/2000 ngày 29/8/1990 đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông T trình bày quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã do tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng ông đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể cứu vãn được nên ông yêu cầu được ly hôn bà H. Bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn. Xét thấy, đời sống chung của bà H và Ông T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hiện nay, bà H và Ông T thuận tình ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông T và bà H .

[4] Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Đan Thùy D, sinh ngày 05/10/2000 và Nguyễn Đan Kỳ D, sinh ngày 17/9/2002. Cả hai con chung đều đã trưởng thành.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), Ông T tự nguyện chịu.

*Vì các lẽ trên;*

# QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 105, Quyển số: I/2000 ngày 29/8/2000 của UBND thị trấn P , huyện G, tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Đan Thùy D, sinh ngày 05/10/2000 và Nguyễn Đan Kỳ D, sinh ngày 17/9/2002. Cả hai con chung đều đã trưởng thành.

3. Tài sản chung: Ông T, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Ông T, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Đình T tự chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2021/0008260 ngày 28/4/2022 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện G, tỉnh Bình. Ông T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

***Nơi nhận***:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hồng Ngọc**